

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dư Thị Út

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1955 – Chủ doanh nghiệp tư nhân sản xuất nước đá T. Địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh H. Người đại diện theo ủy quyền: bà **Lý Thị Phương T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 2, đường V, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh B. “có mặt”.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Chí L**. Địa chỉ: Khóm N, Phường N, thành phố B, tỉnh B. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lý Thị Phương T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 2016, ông Trần Văn Q (Chủ doanh nghiệp tư nhân sản xuất nước đá T) có giao dịch hợp đồng mua bán với ông Phạm Chí L, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập thành văn bản, theo đó ông Q bán cho ông L nước đá phục vụ cho việc ông L đi ghe biển, hai bên thỏa thuận sau khi giao hàng sẽ đối chiếu công nợ và thanh

toán tiền với nhau. Sau khi thỏa thuận, từ năm 2016 đến năm 2018, ông Q đã bán nước đá cho ông L theo thỏa thuận, sau khi đối chiếu công nợ thì phía ông L còn nợ ông Q số tiền là 362.442.000 đồng, qua nhiều lần yêu cầu nhưng ông L không trả số tiền nợ còn thiếu. Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền mua nước đá còn thiếu là 362.442.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn ông Phạm Chí L vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q đối với ông Phạm Chí L, buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền nợ gốc còn thiếu là 362.442.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn Q tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Phạm Chí L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Phạm Chí L có địa chỉ tại khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, ông Phạm Chí L xác định “*tôi đồng ý là đã mua nước đá và đã thiếu ông Q số tiền là 362.442.000 đồng*”.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa ông Q và ông L có thỏa thuận việc mua bán nước đá. Xét hợp đồng mua bán giữa ông Q và ông L, mặc dù hai bên không làm hợp đồng nhưng được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và

năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L thừa nhận còn nợ ông Q số tiền 362.442.000 đồng. Do đó, việc ông Q yêu cầu ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ 362.442.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi chậm trả: do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: ông Phạm Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông Trần Văn Q đối với ông Phạm Chí L được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 18.122.100 đồng; ông Trần Văn Q không phải chịu án phí.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q (Chủ doanh nghiệp tư nhân sản xuất nước đá T) đối với ông Phạm Chí L.

Buộc ông Phạm Chí L có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Q tổng số tiền nợ gốc là 362.442.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.122.100 đồng.

- Ông Trần Văn Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn Q số tiền 9.061.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0007044 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Định